



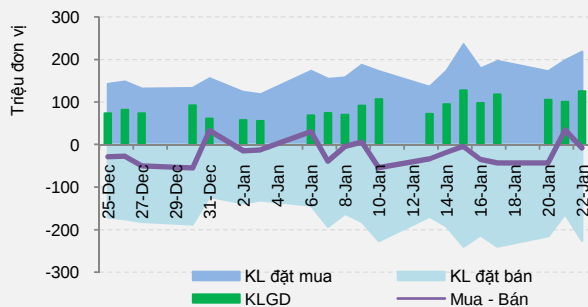
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 22/1/2014

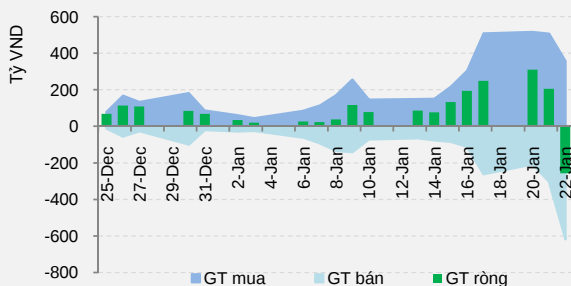
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	551.9	73.4
% Thay đổi	↓ -1.4%	↓ -0.2%
KLGD (CP)	125,281,534	60,356,282
GTGD (tỷ đồng)	2,389.44	603.89
Tổng cung (CP)	225,691,520	102,101,500
Tổng cầu (CP)	218,273,170	76,992,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	12,689,215	1,368,740
KL mua (CP)	12,056,545	3,085,887
GTmua (tỷ đồng)	359.94	42.53
GT bán (tỷ đồng)	617.11	22.17
GT ròng (tỷ đồng)	(257.17)	20.36

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.06%	7.9	1.8	#DIV/0!
Công nghiệp	↓ -0.30%	180.9	1.2	#DIV/0!
Dầu khí	↓ -2.94%	9.6	1.7	#DIV/0!
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.22%	15.4	2.0	#DIV/0!
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.37%	9.4	2.9	#DIV/0!
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.46%	12.9	5.3	#DIV/0!
Ngân hàng	↑ 0.11%	11.4	1.3	#DIV/0!
Nguyên vật liệu	↓ -2.08%	11.0	2.2	#DIV/0!
Tài chính	↓ -1.24%	18.7	2.7	#DIV/0!
Tiền ích Cộng đồng	↓ -2.35%	10.2	3.8	#DIV/0!
VN - Index	↓ -1.43%	13.1	3.1	#DIV/0!
HNX - Index	↓ -0.19%	17.6	1.8	#DIV/0!

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,916,620	1.5%	1,251,660	1.0%
GTGD (tỷ VND)	59,399	2.5%	24,915	1.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index quay đầu giảm điểm sau 13 phiên tăng điểm liên tiếp, khi nhóm cổ phiếu Bluechips chịu áp lực bán mạnh sau thời gian tăng nóng. Áp lực cung khởi đầu từ cổ phiếu HPG và nhanh chóng lan sang thị trường chung. Chỉ số HNX-Index giảm điểm về cuối phiên, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 74 điểm và đường biên trên của dải Bollinger Bands. Lực cầu tại nhóm cổ phiếu midcap cơ bản và nhóm cổ phiếu penny đã có thời gian điều chỉnh tích lũy vẫn khá tốt. Tuy nhiên, với thực tế phiên hôm nay là phiên cuối cùng để bán hàng tiền về trước tết, áp lực chốt lời đang chiếm ưu thế.

Về quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã điều chỉnh giảm điểm, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012), HNX phản ứng với ngưỡng cản 74 điểm. Mức độ giảm điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản tăng cho thấy áp lực cung đang chiếm ưu thế. Tuy nhiên diễn biến điều chỉnh sau nhiều phiên tăng nóng, dòng tiền tham gia thị trường vẫn tích cực chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Diễn biến xoay vòng của dòng tiền dự báo giúp mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ của chỉ số VN-Index là khoảng 540-550 điểm, HNX-Index là khoảng 72 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index giảm 8.00 điểm (1.43%), xuống 551.91 điểm, mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất trong phiên là 564.61 điểm.

- HNX-Index giảm 0.15 điểm (0.20%), xuống 73.42 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 72.9 điểm.

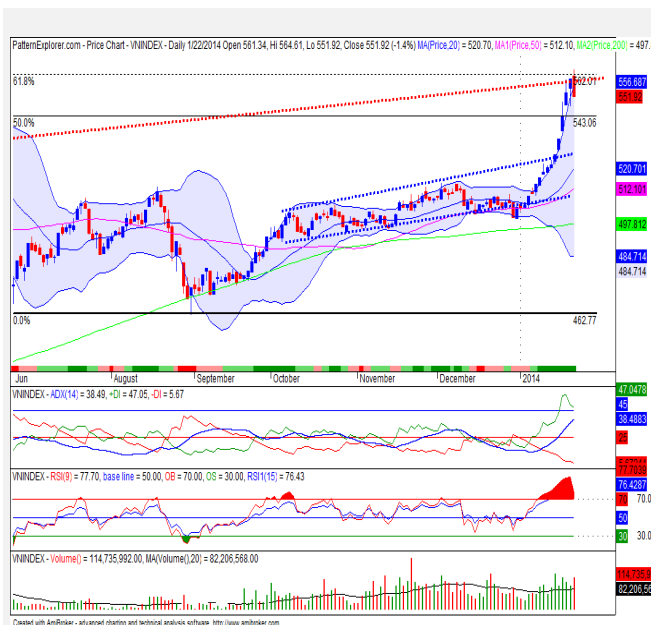
- Theo Hội đồng Vàng thế giới, Việt Nam đã tiêu thụ khoảng 110 tấn vàng trong năm 2013, cao hơn mức tiêu thụ khoảng 100 tấn vàng trong những năm gần đây, cho dù giá vàng thế giới liên tục giảm và trong nước thu hẹp điểm bán vàng.

- Theo đánh giá của Bộ Xây dựng, thị trường BĐS đang ảm đạm lên, dựa trên các yếu tố: 1/ Về giá cả, giá BĐS đã giảm từ 20-30% so với cách đây 1-2 năm, cá biệt có dự án ở vị trí không tốt giảm 50%, gần sát về giá trị thực của thị trường; 2/ Số lượng giao dịch mua bán, tiếp nhận bàn giao nhà ở tăng rõ rệt, đặc biệt tại phân khúc nhà ở xã hội, quy mô nhỏ, giá cả hợp lý; 3/ Dự nợ tăng trưởng tín dụng trong lĩnh vực BĐS tăng trở lại 2013, đạt 261 nghìn tỷ, tăng 14.9%, cao hơn tín dụng toàn hệ thống; 4/ Thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân từ giao dịch cũng tăng rõ rệt.

- Tính đến 15/1/2014, 5 Ngân hàng đã cam kết cho vay 2100 tỷ, tương đương 7%, giải ngân theo tiến độ là 861 tỷ, chưa được 3% quy mô gói tín dụng hỗ trợ nhà ở. Để đẩy nhanh tiến độ, sau tết Nguyên đán, Bộ Xây dựng sẽ ban hành 2 Thông tư hướng dẫn. Một là thông tư sửa đổi QĐ 158 về quản lý phát triển nhà ở xã hội, đơn giản hóa tối đa thủ tục xác nhận để mua nhà ở xã hội. Cán bộ công chức viên chức chỉ cần xác nhận của cơ quan về điều kiện ở, không cần xác nhận về thu nhập. Đối tượng không hưởng lương NSNN chỉ cần xác nhận của địa phương, cũng chỉ xác nhận về điều kiện ở (chưa có nhà, diện tích dưới 8m2/người), chỉ xác nhận tại nơi có hộ khẩu thường trú, người lấy xác nhận tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin. Bộ tư pháp, NHNN, Bộ xây dựng cũng đã đi đến dự thảo cuối cùng về Thông tư hướng dẫn về thế chấp tài sản hình thành trong tương lai ở mảng nhà ở xã hội làm tài sản đảm bảo để vay tiền, và các giải pháp giải chấp, xử lý TSĐB.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 8.00 điểm (1.43%), xuống 551.91 điểm, mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất trong phiên là 564.61 điểm.

- KLGD tăng 25% so với phiên trước, lên 114 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 76 điểm, tâm lý thị trường thận trọng hơn. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu, vẫn cho chỉ báo về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số VN-Index quay đầu giảm điểm sau 13 phiên tăng điểm liên tiếp, khi nhóm cổ phiếu Bluechips chịu áp lực bán mạnh sau thời gian tăng nóng. Áp lực cung khởi đầu từ cổ phiếu HPG và nhanh chóng lan sang thị trường chung. Lực cầu tại nhóm cổ phiếu midcap cơ bản và nhóm cổ phiếu penny đã có thời gian điều chỉnh tích lũy vẫn khá tốt. Tuy nhiên, với thực tế phiên hôm nay là phiên cuối cùng để bán hàng tiền về thực tế, áp lực chốt lời đang chiếm ưu thế.

Về quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã điều chỉnh giảm điểm, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012). Mức độ giảm điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản tăng cho thấy áp lực cung đang chiếm ưu thế. Tuy nhiên diễn biến điều chỉnh sau nhiều phiên tăng nóng, dòng tiền tham gia thị trường vẫn tích cực chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Diễn biến xoay vòng của dòng tiền dự báo giúp mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ của chỉ số VN-Index là khoảng 540-550 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.15 điểm (0.20%), xuống 73.42 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 72.9 điểm.

- KLGD tăng 12% so với phiên giao dịch trước, lên 54 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 giảm xuống mức 78 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index giảm điểm về cuối phiên, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 74 điểm và đường biên trên của dải Bollinger Bands. Biên độ dao động của chỉ số Index trong phiên khá mạnh, phần lớn chịu tác động từ nhóm cổ phiếu dầu khí. Áp lực chốt lời trước kỳ nghỉ tết, tại ngưỡng cản kỹ thuật khá mạnh. Tuy nhiên diễn biến điều chỉnh sau nhiều phiên tăng nóng, dòng tiền tham gia thị trường vẫn tích cực chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Diễn biến xoay vòng của dòng tiền dự báo giúp mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ của chỉ số HNX-Index là khoảng 72 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BDS, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.11
2	SAP	HNX	3.79	198.4%	0.59	1575.0%	14.97	22.6%	1.58	54.9%	105.3%	0.18
3	HAS	HOSE	35.67	198.0%	3.22	1510.0%	83.08	-35.0%	3.5	-29.3%	87.5%	21.72
4	THT	HNX	584.4	25.0%	25.11	655.5%	1887.29	19.8%	34.45	83.0%	146.2%	1.93
5	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
6	LUT	HNX	59.97	35.3%	2.16	468.4%	146.74	-14.6%	3.16	-4.2%	31.6%	0.06
7	SCJ	HNX	103.74	44.2%	7.14	466.2%	320.01	27.3%	7.63	164.4%	129.3%	0.81
8	BGM	HOSE	7.62	124.8%	0.5	400.0%	15.11	340.5%	0.13	-81.9%	0.2%	0.33
9	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
10	MDC	HNX	535.59	-13.8%	60.15	367.7%	1534.51	-2.2%	28.75	9.7%	103.7%	17.73

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SVT	HOSE	15.21	1.5%	-0.83	-220.3%	77.18	2.9%	2.64	1100.0%	44.9%	-
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VE2	HNX	28.23	216.1%	2.85	256.3%	39.36	63.6%	3.51	932.4%	129.0%	0.01
4	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
5	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.37
6	LGC	HOSE	85.4	155.7%	9.01	292.5%	211.9	46.8%	4.49	434.5%	42.8%	0.25
7	FIT	HNX	2.48	0.0%	16.09	0.0%	37.1	104.5%	34.1	291.5%	144.1%	0.06
8	KAC	HOSE	3.43	42.9%	0.91	102.1%	13.91	-95.1%	1.64	256.5%	10.9%	0.28
9	QCC	HNX	8.74	120.2%	1.13	16.5%	11.13	11.3%	0.4	233.3%	33.3%	0.60
10	NDN	HNX	22.88	-49.1%	2.42	-3.6%	132.33	-5.3%	19.17	165.1%	154.2%	0.09

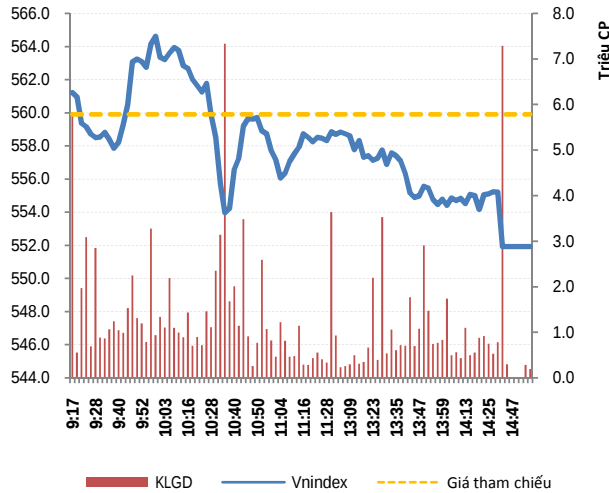
TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAS	HNX	612.36	-25.0%	121.83	56.4%	4768.48	6.1%	447.23	13.5%	137.1%	11.69
2	CSM	HOSE	801.19	5.1%	102.91	52.1%	3133.79	3.0%	360.64	42.1%	174.9%	12.60
3	PGD	HOSE	1653.6	15.7%	6.29	-55.9%	6422.14	17.0%	209.1	-8.3%	161.5%	3.81
4	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.37
5	CNG	HOSE	240.84	3.4%	29.28	9.3%	949.78	18.5%	123.91	5.1%	102.8%	27.65
6	HGM	HNX	40.87	-8.1%	18.13	-50.4%	165.76	-9.4%	87.26	-36.9%	97.0%	0.90
7	BVS	HNX	54.06	9.2%	7.1	296.6%	207.36	-0.6%	85.7	10.8%	147.4%	3.25
8	HHS	HOSE	151.74	7.3%	23.05	6.4%	498.95	7.8%	82.05	17.4%	102.6%	0.03
9	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
10	NNC	HOSE	89.29	0.4%	13.05	-54.8%	323.25	15.4%	72.07	-7.2%	128.5%	21.29
11	CLC	HOSE	454.75	21.4%	15.51	-28.5%	1602.04	16.1%	71.24	46.2%	190.0%	3.71
12	BTP	HOSE	86.9	-82.9%	-10.14	-121.5%	1140.15	-20.3%	70.43	-48.0%	130.9%	1.68

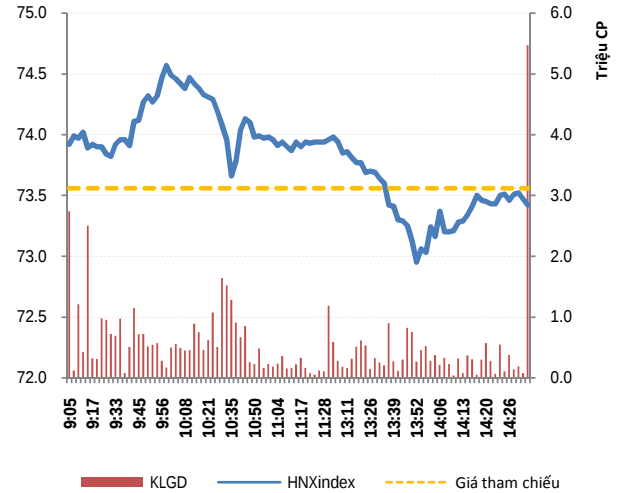
Ghi chú: Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 20/01/2014



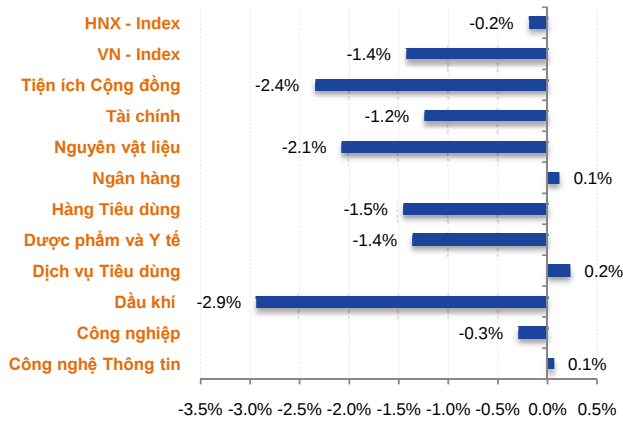
KLGD và VN-Index trong phiên



KLGD và HNX-Index trong phiên



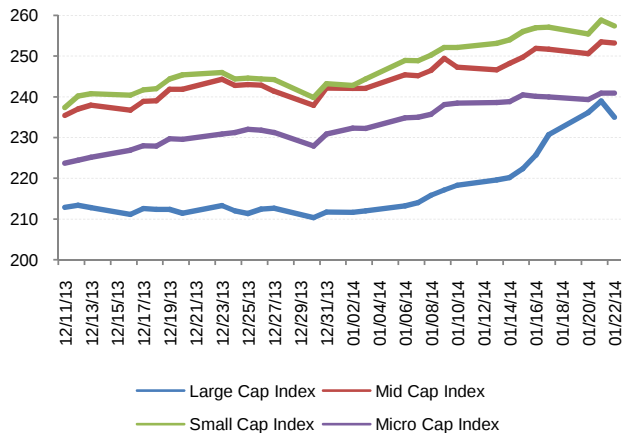
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



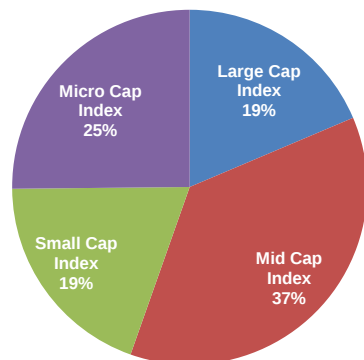
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	1,862,780	KDC	8,420,390
2	VCB	1,044,410	HPG	384,800
3	STB	1,012,330	DPM	138,770
4	BVH	982,810	EIB	118,580
5	OGC	564,210	SAM	50,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,167,700	PVX	356,600
2	VND	549,300	BVS	63,500
3	VCG	260,200	AAA	45,700
4	PVS	81,700	HPC	31,700
5	TC6	40,000	TV4	30,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.0	7.3	↑ 4.29%	19,453,270
KDC	52.5	54.0	↑ 2.86%	8,628,490
FLC	8.4	8.9	↑ 5.95%	5,089,610
SSI	21.2	20.9	↓ -1.42%	4,398,240
SAM	9.0	9.2	↑ 2.22%	4,279,330

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.2	7.2	→ 0.00%	11,431,287
PVX	2.8	2.6	↓ -7.14%	6,929,895
VCG	10.9	11.1	↑ 1.83%	5,864,324
PVS	28.9	29.1	↑ 0.69%	3,646,039
KLS	9.5	9.4	↓ -1.05%	3,158,387

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VID	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
UIC	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
HT1	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
TLG	44.0	47.0	3.0	↑ 6.82%
RIC	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCM	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
HPS	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
SDC	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
VE2	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EVE	29.0	27.0	-2.0	↓ -6.90%
HOT	29.3	27.3	-2.0	↓ -6.83%
PTC	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%
PDR	13.5	12.6	-0.9	↓ -6.67%
VNA	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%
TKU	14.1	12.7	-1.4	↓ -9.93%
WCS	75.0	67.6	-7.4	↓ -9.87%
VCS	18.4	16.6	-1.8	↓ -9.78%
VCV	3.1	2.8	-0.3	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	19,453,270	0.2%	26	283.7	0.6
KDC	8,628,490	10.1%	3,341	16.2	1.9
FLC	5,089,610	6.3%	990	9.0	0.6
SSI	4,398,240	9.9%	1,471	14.2	1.4
SAM	4,279,330	3.2%	590	15.6	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	11,431,287	17.1%	1,884	3.8	0.6
PVX	6,929,895	-92.1%	(5,013)	-	0.7
VCG	5,864,324	3.4%	403	27.6	0.9
PVS	3,646,039	17.3%	2,872	10.1	1.7
KLS	3,158,387	5.5%	716	13.1	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VID	↑ 7.0%	-17.0%	(1,581)	-	0.6
UIC	↑ 6.9%	15.5%	3,171	4.4	0.6
HT1	↑ 6.9%	-2.1%	(191)	-	0.6
TLG	↑ 6.8%	19.5%	4,858	9.7	1.6
RIC	↑ 6.7%	-0.6%	(88)	-	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCM	↑ 10.0%	3.2%	811	14.9	0.5
HPS	↑ 10.0%	-26.3%	(2,578)	-	0.5
SDC	↑ 10.0%	6.6%	1,254	6.1	0.4
VE2	↑ 10.0%	14.7%	1,672	3.3	0.5
VE4	↑ 10.0%	8.6%	1,229	7.2	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,862,780	0.2%	26	283.7	0.6
VCB	1,044,410	9.8%	1,757	16.6	1.6
STB	1,012,330	5.4%	703	30.1	1.6
BVH	982,810	9.0%	1,618	29.7	2.8
OGC	564,210	-1.8%	(196)	-	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,167,700	17.1%	1,884	3.8	0.6
VND	549,300	10.8%	1,247	10.6	1.1
VCG	260,200	3.4%	403	27.6	0.9
PVS	81,700	17.3%	2,872	10.1	1.7
TC6	40,000	19.1%	4,544	2.8	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	142,125	40.9%	6,696	11.2	4.3
VNM	116,685	40.5%	8,053	17.4	6.9
VIC	70,033	47.1%	6,710	11.5	4.4
MSN	67,979	2.7%	553	167.2	5.2
VCB	67,669	9.8%	1,757	16.6	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,836	7.5%	1,027	15.7	1.2
PVS	12,999	17.3%	2,872	10.1	1.7
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	6,380	17.1%	1,884	3.8	0.6
OCH	5,500	5.9%	687	40.0	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.01	12.5%	1,402	6.5	0.8
BVH	2.58	9.0%	1,618	29.7	2.8
DRH	2.32	0.6%	62	45.1	0.3
VNG	2.03	0.2%	16	442.6	0.7
NKG	1.83	-1.6%	(162)	-	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	11.17	-0.2%	(21)	-	0.4
SHN	6.46	-135.7%	(2,464)	-	4.8
NVC	5.13	442.9%	(8,371)	-	(0.4)
QCC	5.09	1.9%	268	11.5	0.2
GGG	4.95	-566.7%	(1,900)	-	796.0



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)